

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LX
TỈNH AG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 165/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-9-2022
V/v “TrA chấp về ly hôn, nuôi
con, chia tài sản, đòi tài sản giữa
bà T với ông T2”.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc

2. Bà Phan Thị Yên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn T2 – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 229/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc “TrA chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 319/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp MK, xã MHH, thành phố LX, tỉnh AG.

- Bị đơn: Ông Phan T T2, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp MK, xã MHH, thành phố LX, tỉnh AG.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị T3, sinh năm 1947 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp MK, xã MHH, thành phố LX, tỉnh AG.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình hòa giải nguyên đơn bà Trần Thị T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà tự nguyện quen biết tìm hiểu sau đó tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MHH, thành phố LX, tỉnh AG theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04, ngày 18/01/2010. Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do ông T2 cờ bạc, rượu chè, người chồng, người cha vô trách nhiệm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Nay yêu cầu ly hôn với ông Phan T T2.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Ngọc Lan A, sinh ngày 27/01/2010 và Phan Thiên P, sinh ngày 15/3/2017, hiện các cháu đang chung sống với bà, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi cháu Phan Ngọc Lan A, sinh ngày 27/01/2010 và Phan Thiên P, sinh ngày 15/3/2017, với số tiền 1.500.000 đồng/tháng/02 cháu, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 01/7/2022 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

Về quan hệ tài sản chung:

- Rút yêu cầu đòi chia tài sản chung là 01 dàn âm T, ánh sáng trị giá 200.000.000 đồng. Do ông T2 đang quản lý, sử dụng.

- Rút lại yêu cầu đòi bà Ngô Thị T3 là mẹ của ông T2 phải có nghĩa vụ trả lại cho bà: 01 tủ lạnh trị giá 7.000.000 đồng, 02 máy lạnh trị giá 16.000.000 đồng, 01 máy giặt trị giá 9.000.000 đồng, 02 tủ quần áo trị giá 15.000.000 đồng.

Về quan hệ nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 30 tháng 6 năm 2022 ông T2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng, thừa nhận có tình trạng ly thân khoảng 08 tháng. Tuy nhiên, ông không có rượu chè hay cờ bạc, không phải là người cha vô trách nhiệm như bà T trình bày. Không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Ngọc Lan A, sinh ngày 27/01/2010 và Phan Thiên P, sinh ngày 15/3/2017, hiện các cháu đang chung sống với bà T, khi bà T bỏ nhà ra đi thì bà T dắt các cháu đi theo, bà T không tạo điều kiện cho ông thăm nom con chung. Nay yêu cầu được nuôi dưỡng 02 cháu. Trường hợp bà T không đồng ý thì ông yêu cầu nuôi cháu Thiên P vì cháu Lan A có nguyện vọng theo bà T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con đồng ý theo yêu cầu của bà T.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Thống nhất theo lời trình bày của bà T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho bà T được ly hôn ông T2, do ông bà ly thân đã lâu, cho thấy ông bà đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Ngọc Lan A, sinh ngày 27/01/2010 và Phan Thiên P, sinh ngày 15/3/2017, hiện các cháu đang chung sống với và T, cháu Lan A cũng có nguyện vọng được sống chung với bà T, nên đề nghị giao các cháu cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung:

- Do nguyên đơn đã rút lại yêu cầu chia tài sản chung là dàn âm T, ánh sáng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

- Do nguyên đơn đã rút lại yêu cầu đòi bà Ngô Thị T3 trả 01 tủ lạnh trị giá 7.000.000 đồng, 02 máy lạnh trị giá 16.000.000 đồng, 01 máy giặt trị giá 9.000.000 đồng, 02 tủ quần áo trị giá 15.000.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Các giấy tờ chứng minh tư cách chủ thể của bà T; Bản sao Giấy khai sinh của Lan A, P; Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn; Đơn xin vắng mặt ngày 09/8/2022 của ông T2; Đơn xin không hòa giải, xin xét xử vắng mặt của bà T; Đơn trình bày ý kiến của ông T2...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tra tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] TrA chấp của các đương sự là về ly hôn, nuôi con, đòi tài sản, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố LX, nên thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân thành phố LX tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác, nhưng vắng mặt không lý do không vì trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T2 chung sống với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MHH, thành phố LX, tỉnh AG, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân. Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông T2 do sau khi kết hôn ông bà sống hạnh P được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do ông T2 cờ bạc, rượu chè, người chồng, người cha vô trách nhiệm, cuộc sống vợ chồng không hạnh P, mục đích hôn nhân không đạt. Tại lần hòa giải ngày 30 tháng 6 năm 2022 ông T2 không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án mở các phiên hòa giải để hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng bà T vẫn kiên quyết ly hôn. Bà T có đơn yêu cầu không hòa giải và xin xét xử vắng mặt. Tại lần hòa giải ngày 30 tháng 6 năm 2022 ông T2 không đồng ý ly hôn, nhưng khi Tòa án tiếp tục mở phiên hòa giải động viên đoàn tụ thì ông T2 vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập ông T2 tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng ông T2 vẫn vắng mặt, cho thấy bà T, ông T2 đã không còn quan tâm đến việc hàn gắn quan hệ vợ chồng. Mỗi quan hệ vợ chồng là mối quan hệ gắn bó lâu dài và bền vững, vợ chồng phải thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, ấm no. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, sống chung với nhau, nhưng ông bà đã ly thân, ông bà đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung:

Bà T và ông T2 có 02 con chung tên Phan Ngọc Lan A, sinh ngày 27/01/2010 và Phan Thiên P, sinh ngày 15/3/2017. Hiện cháu Lan A, cháu Thiên P đang do bà T chăm sóc nuôi dưỡng, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu.

Từ khi ly thân đến nay bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, ông T2 không cùng bà T nuôi dưỡng các cháu. Bà T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, cháu Lan A trên 07 tuổi có nguyện vọng được chung sống với bà T. Xét, yêu cầu của bà T, nguyện vọng của cháu Lan A, để đảm bảo sự phát

triển về mọi mặt của các cháu, tạo điều kiện cho các cháu được ổn định tinh thần, sinh sống và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T giao cháu Lan A, cháu Thiên P cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Trần Thị T1 cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Phan T T2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lan A, cháu Thiên P. Vì lợi ích của trẻ em theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại biên bản hòa giải ngày 30 tháng 6 năm 2022, bà T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000 đồng/tháng/01 cháu (02 cháu mà 1.500.000 đồng). Ông Phan T T2 đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền mà bà T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là tương đối phù hợp quy định pháp luật, ông T2 cũng đồng ý mức cấp dưỡng này, nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T, buộc ông T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lan A, cháu Thiên P mỗi cháu 750.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 15/9/2022 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung:

- Do nguyên đơn rút lại yêu cầu chia tài sản chung là dàn âm T ánh sáng, việc rút lại yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

- Do nguyên đơn rút lại yêu cầu đòi bà Ngô Thị T3 trả 01 tủ lạnh trị giá 7.000.000 đồng, 02 máy lạnh trị giá 16.000.000 đồng, 01 máy giặt trị giá 9.000.000 đồng, 02 tủ quần áo trị giá 15.000.000 đồng, việc rút lại yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.5] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

- Bà Trần Thị T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001332 ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

- Đối với việc rút lại các yêu cầu liên quan đến tài sản bà Trần Thị T1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng và 1.150.000 đồng theo Biên lai thu số 0001333 và 0001334 ngày ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị T1. Bà Trần Thị T1 được ly hôn với ông Phan T T2.

Giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 18 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân xã MHH, thành phố LX, tỉnh AG, cấp cho ông Phan T T2 và bà Trần Thị T1 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà T và ông T2 có 02 con chung tên Phan Ngọc Lan A, sinh ngày 27/01/2010 và Phan Thiên P, sinh ngày 15/3/2017.

- Giao 02 con chung tên Phan Ngọc Lan A, sinh ngày 27/01/2010 và Phan Thiên P, sinh ngày 15/3/2017 cho bà T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Bà Trần Thị T1 cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Phan T T2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lan A, cháu Thiên P. Vì lợi ích của trẻ em theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phan T T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Phan Ngọc Lan A, sinh ngày 27/01/2010 và Phan Thiên P, sinh ngày 15/3/2017, mỗi cháu là 750.000 đồng/tháng (02 cháu là 1.500.000 đồng/tháng), thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 15/9/2022 cho đến khi các cháu T niên và có khả năng lao động.

4. Về quan hệ tài sản chung:

- Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là 01 dàn âm T, ánh sáng trị giá 200.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu đòi bà Ngô Thị T3 trả 01 tủ lạnh trị giá 7.000.000 đồng, 02 máy lạnh trị giá 16.000.000 đồng, 01 máy giặt trị giá 9.000.000 đồng, 02 tủ quần áo trị giá 15.000.000 đồng.

5. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001332 ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

- Bà Trần Thị T1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng và 1.150.000 đồng theo Biên lai thu số 0001333 và 0001334 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

- Ông Phan T T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- UBND xã MHH;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

